

PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐỐI VỚI TỪNG
LOẠI CÂY TRỒNG

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
NHÓM CÂY ĂN QUẢ		
1.	Bí đao	BIDAO1
2.	Bơ	BO0001
3.	Bòn bon	BONBON
4.	Bưởi	BUOI01
5.	Bưởi Thanh trà	BTT001
6.	Bưởi da xanh	BDX001
7.	Cam	CAM001
8.	Chanh	CHANH1
9.	Chanh leo	CL0001
10.	Chôm Chôm	CC0001
11.	Chuối	CHUOI1
12.	Đào	DAO001
13.	Dâu da	DAUDA1
14.	Dâu tây	DAUTAY
15.	Đu đủ	DUDU01
16.	Đu đủ xanh	DDX001
17.	Dừa	DUA001
18.	Dừa hấu	DUAHAU
19.	Dừa lê	DUALE1
20.	Dừa lười	DL0001
21.	Dứa/Thơm	DUA002
22.	Hồng	HONG01
23.	Hồng xiêm	HX0001
24.	Lê	LE0001
25.	Mận	MAN001
26.	Roi	ROI001
27.	Mãng cầu/Na	MC0001
28.	Mãng cụt	MC0002
29.	Mít	MIT001
30.	Mơ	MO0001
31.	Nhãn	NHAN01
32.	Nho	NHO001

33.	Ổi	OI0001
34.	Quất/Tắc	QUAT01
35.	Quýt	QUYT01
36.	Sầu riêng	SR0001
37.	Táo	TAO001
38.	Thanh Long	TL0001
39.	Thanh Long ruột đỏ	TLRĐ01
40.	Thanh Long ruột trắng	TLRT01
41.	Thanh Long ruột tím hồng	TLRTH1
42.	Thanh Long vỏ vàng, ruột trắng	TLVVRT
43.	Vải	VAI001
44.	Vú sữa	VUSUA1
45.	Xoài	XOAI01
46.	Dưa bở	DUABO1
47.	Nai dai	NADAI1
48.	Na bở	NABO01
49.	Dưa gang	DG0001
50.	Dưa vàng	DV0001
51.	Cây Chúc	CC0003
52.	Cây Trám đen	CTD001
53.	Cây Trám trắng	CTT001
54.	Phật thủ	PT0001
NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC		
55.	Đậu xanh	DX0001
56.	Khoai lang	KL0001
57.	Khoai môn	KM0001
58.	Khoai tây	KT0001
59.	Lúa	LUA001
60.	Lúa nếp	LUANEP
61.	Ngô/Bắp	NGO001
62.	Sắn/Khoai mì	SAN001
63.	Đậu đỏ	DAUDO1
64.	Đậu đen	DAUDEN
65.	Khoai sọ	KS0001
66.	Củ ấu	CUAU01
67.	Bắp non	BAPNON
NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP		

68.	Bạch đàn	BD0001
69.	Bông	BONG01
70.	Ca cao	CACAO1
71.	Cà phê	CAPHE1
72.	Cao su	CAOSU1
73.	Chè/Trà	CHE001
74.	Dâu tằm	DAUTAM
75.	Đậu tương	DT0001
76.	Điều	DIEU01
77.	Đinh hương	DH0001
78.	Hồ tiêu	HOTIEU
79.	Lạc	LAC001
80.	Mac ca	MACCA1
81.	Mía	MIA001
82.	Sacha Inchi	SI0001
83.	Thuốc lá	TL0002
84.	Tung dầu	TD0001
85.	Vùng	VUNG01
86.	Dong riềng	DR0001
87.	Đàn hương	DH0002
88.	Quế	QUE001
89.	Hồi	HOI001
90.	Cây cỏ bàng	CCB001
91.	Thuốc Lào	TL0003
92.	Cây Sim	CAYSIM
93.	Tràm năm gân (Tràm lá rộng)	TNG001
94.	Gai xanh	GX0001
NHÓM CÂY RAU VÀ GIA VỊ		
95.	Bầu	BAU001
96.	Bí Ngô/Bí đỏ	BINGO1
97.	Cà chua	CACHUA
98.	Cà rốt	CAROT1
99.	Cà tím	CATIM1
100.	Cải bắp	CAIBAP
101.	Cải củ	CAICU1
102.	Cải thảo	CT0001
103.	Cải xanh	CX0001
104.	Cần tây	CANTAY

105.	Chi diếp/Luối mác	CD0001
106.	Chùm ngây	CN0001
107.	Đậu Bắp	DAUBAP
108.	Đậu các loại	DCL001
109.	Đậu đũa	DAUDUA
110.	Đậu Hà Lan	DHL001
111.	Dưa chuột/Dưa leo	DC0001
112.	Gừng	GUNG01
113.	Hành tây	HT0001
114.	Hành	HANH01
115.	Hẹ	HE0001
116.	Hoa hời	HOAHOI
117.	Húng	HUNG01
118.	Măng tây	MT0001
119.	Măng tre	MT0002
120.	Mướp đắng	MD0001
121.	Nghệ	NGHE01
122.	Ớt	OT0001
123.	Ớt hiểm	OTHIEM
124.	Ớt xiêm	OTXIEM
125.	Rau Dền	RAUDEN
126.	Rau muống	RM0001
127.	Su hào	SUHAO1
128.	Súp lơ trắng	SLT001
129.	Súp lơ xanh	SLX001
130.	Tỏi	TOI001
131.	Xà lách	XL0001
132.	Bí ngòi	BINGOI
133.	Củ nén/hành tằm	HT0002
134.	Cà pháo	CAPHAO
135.	Cà pháo chùm	CPC001
136.	Củ dền	CUDEN1
137.	Su su	SUSU01
138.	Đậu ngự	DAUNGU
139.	Cải ngọt	CN0002
140.	Cải thìa	CT0002
141.	Sả/Sả chanh	SA0001
142.	Kiêu	KIEU01
143.	Tía tô	TIATO1

144.	Kinh giới	KG0001
145.	Húng quế	HQ0001
146.	Diếp cá/Giáp cá	DIEPCA
147.	Mồng tơi	MT0003
148.	Cải chân vịt/ Tần ô	CCV001
149.	Riềng	RIENG1
150.	Rau mùi/ Ngò rí	RAUMUI
151.	Rau răm	RAURAM
152.	Rau ngổ	RAUNGO
153.	Thìa là/ Thì là	THIALA
154.	Nấm sò	NAMSO1
155.	Nấm rơm	NAMROM
156.	Nấm kim châm	NKC001
157.	Nấm mỡ	NAMMO1
158.	Nấm đùi gà	NDG001
159.	Nấm hương/ Nấm Đông cô	NH0001
160.	Mộc nhĩ/ Nấm mèo	MOCNHI
161.	Mướp hương	MH0001
162.	Cải bẹ/ Cải Đông dư	CAIBE1
163.	Cải ngồng	CN0004
164.	Cải cúc	CAICUC
165.	Cải mөр	CAIMO1
166.	Đậu Cove/ Đậu trạch	DCV001
167.	Bí xanh	BIXANH
168.	Củ cải trắng	CCT001
169.	Củ cải đỏ	CCD001
170.	Mùi tàu (Ngò gai)	MUITAU
171.	Hương nhu	HN0001
172.	Rau	RAU001
173.	Rau má	RM0002
174.	Rau thập tự	RTT001
175.	Rau gia vị	RGV001
176.	Rau họ Bầu bí	RHBB01
177.	Cải xoong	CX0002
178.	Súp lơ	SUPLO1
179.	Rau nhút	RN0001
180.	Cà ghém	CG0001
181.	Cần nước	CN0005
182.	Bòn bòn	BB0001

NHÓM CÂY DƯỢC LIỆU		
183.	Sâm nữ hoàng/ Dương đề nhãn	SNH001
184.	Cây Atiso	ATISO1
185.	Cây Địa liên	CDL001
186.	Ngải cứu	NC0001
187.	Củ mài/ Hoài sơn	CUMAI1
188.	Dừa cạn	DC0002
189.	Bạc hà	BH0001
190.	Dây thìa canh	DTC001
191.	Cỏ ngọt	CN0003
192.	Cà gai leo	CGL001
193.	Sen	SEN001
194.	Kim ngân hoa	KNH001
195.	Sâm Nam núi Dành	SNND01
196.	Cây Hương thảo	HT0003
197.	Trà Hoa vàng	THV001
198.	Ba Kích	BAKICH
199.	Thạch đen	TD0002
200.	Nha đam	NHADAM
201.	Tang ký sinh	TKS001
202.	Chè dây	CHEDAY
203.	An xoa	ANXOA1
204.	Đinh lăng	DL0002
205.	Chè vằng	CV0001
206.	Sắn dây	SANDAY
207.	Sâm bố chính	SBC001
208.	Hà thủ ô	HTO001
209.	Cây Xạ đen	CXD001
210.	Kim tiền thảo	KTT001
211.	Tầm gửi	TAMGUI
212.	Máu chó	MAUCHO
213.	Nấm mối	NAMMOI
214.	Nấm khiêu vũ	NKV001
215.	Nấm linh chi	NLC001
216.	Nấm Đông trùng hạ thảo	NDTHT1
217.	Nhàu	NHAU01
NHÓM HẠT GIỐNG		
218.	Hạt giống Ớt ngọt	ON001G

219.	Hạt giống Ớt cay	OC001G
220.	Hạt giống Cà chua	CC001G
NHÓM NGỌN GIỐNG, CÂY GIỐNG HOA		
221.	Ngọn giống, cây giống hoa Thu Hải Đường	THD01G
222.	Ngọn giống, cây giống hoa Càng cua	HCC01G
223.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc cánh môi	CCC01G
224.	Ngọn giống, cây giống hoa xương rồng bát tiên	XRBT1G
225.	Ngọn giống, cây giống hoa chuông	HC001G
226.	Ngọn giống, cây giống hoa dâm bụt	DB001G
227.	Ngọn giống, cây giống hoa mã đề	MD001G
228.	Ngọn giống, cây giống hoa cẩm chướng	CC002G
229.	Ngọn giống, cây giống hoa oải hương	OH001G
230.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc Nam Phi	CNP01G
231.	Ngọn giống, cây giống hoa Hạnh tiên thảo	HTT01G
232.	Ngọn giống, cây giống hoa hồng trai	HHT01G
NHÓM HOA CÂY CẢNH		
233.	Hoa Nhài	NHAI01
234.	Hoa Lay ơn	LAYON1
235.	Hoa Lily	LILY01
236.	Hoa Đồng tiền	DT0002
237.	Hoa Cúc	CUC001
238.	Hoa Cẩm chướng	CC0002
239.	Hoa Lan Hồ điệp	LHD001
240.	Hoa Địa lan	DIALAN
241.	Hoa Tulip	TULIP1
242.	Cây trầu bà	TRAUBA
243.	Cây trầu bà lá xẻ	TBLX01
244.	Ráy	RAY001
245.	Môn	MON001
246.	Thiên niên kiện	TNK001
247.	Trúc bạc	TB0001
248.	Hồng môn	HM0001

249.	Cây trà bà rùng	TBR001
250.	Cây trà bà cánh én	TBCE01
251.	Hoa lan	HOALAN
252.	Mẫu đơn	MAUDON
NHÓM CÂY TRỒNG KHÁC		
253.	Cọ	CO0001
254.	Cây lác	CAYLAC